

Bản án số: 71/2020/DS-ST  
Ngày 04 - 8 - 2020  
V/v tranh hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Hùng

Bà Nguyễn Kim Kết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Hồng T, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp PH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Nguyễn Thị (Kiều) T, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp BS, xã Tân D, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Hồ Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp PH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Võ Hồng T trình bày:*

Ngày 10/6/2019a1, bà có cho anh S và chị T vay số tiền 60.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng. Sau khi vay, anh S, chị T có đóng lãi được 2 tháng với số tiền 6.000.000đ từ việc bắt tôm giống, không đưa tiền mặt. Ngày 30/8/2019a1, anh S và chị T có làm giấy hứa trả vốn cho bà, đến ngày 16/4/2020 thì anh S có trả tiền vốn 5.000.000đ, còn lại tiền vốn 55.000.000đ.

Bà Võ Hồng T yêu cầu anh Đoàn Văn S và chị Nguyễn Thị (Kiều) T trả tổng cộng số tiền 60.329.000đ (trong đó vốn 55.000.000đ; lãi 5.329.000đ).

*Bà Hồ Mỹ L trình bày:*

Anh S và chị T có vay của bà Thu 60.000.000đ vào năm 2017, lãi suất 3.600.000đ/tháng, đóng lãi từ sau khi vay đến tháng 4 năm 2020 thì ngưng đóng cho đến nay. Anh S và chị T đã trả tiền vốn 10.000.000đ (đưa tiền mặt 5.000.000đ và bắt tôm 5.000.000đ). Bà không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu được trừ số tiền lãi vào vốn.

Tại phiên tòa, bà T và bà L thống nhất xác định anh S, chị T vay của bà T 60.000.000đ vào ngày 10/6/2019, thỏa thuận lãi 3.000.000đ/tháng. Bà T yêu cầu anh S, chị T trả 55.000.000đ tiền vốn và yêu cầu tính lãi trong 09 tháng trừ số tiền lãi bị đơn đã đóng. Bà L không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về nội dung:

[1.1] Về yêu cầu trả nợ gốc: Tại phiên tòa, bà T và bà L thống nhất vào ngày 10/6/2019a, anh S, chị T có vay của bà T 60.000.000đ, lãi suất 3.000.000đ/tháng, đến ngày 10/6/2020 sẽ trả đủ tiền vốn. Sau đó đến ngày 30/8/2019a, anh S, chị T có thỏa thuận trả cho bà T số tiền vốn chia thành ba lần trả: Lần thứ nhất trả 20.000.000đ vào cuối tháng 12/2019a, lần thứ hai trả 20.000.000đ vào tháng 2/2020a và lần thứ ba trả 20.000.000đ vào cuối tháng 4/2020a nhưng anh S, chị T không trả theo đúng như thỏa thuận. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T yêu cầu anh S, chị T trả số tiền vốn vay 55.000.000đ. Bà L không đồng ý trả cho bà T vì cho rằng anh S, chị T đã trả 10.000.000đ tiền vốn, đã trả lãi mỗi tháng 3.000.000đ từ khi vay cho đến tháng 4 năm 2020a và yêu cầu trừ số tiền lãi đã đóng vượt quy định của pháp luật vào số tiền vốn. Xét thấy: Bà L cho rằng anh S, chị T đã trả được 10.000.000đ tiền vốn và tiền lãi đóng mỗi tháng 3.000.000đ từ khi vay đến tháng 4 năm 2020a nhưng không được bà T thừa nhận. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo như lời trình bày của bà. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh S, chị T đã trả được 5.000.000đ tiền vốn và 6.000.000đ tiền lãi, còn nợ lại 55.000.000đ tiền vốn.

[1.2] Về yêu cầu trả lãi: Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu anh S, chị T trả số tiền lãi theo mức lãi suất nhà nước quy định từ khi vay đến ngày Tòa án thụ lý vụ án và trừ số tiền lãi bị đơn đã đóng. Tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi theo quy định của pháp luật trong thời gian 09 tháng, trừ đi số tiền lãi bị đơn đã đóng. Xét thấy việc bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Theo đó, số tiền lãi trong 09 tháng là:  $60.000.000đ \times 20\%/năm \times 09 \text{ tháng} = 9.000.000đ$ , đối trừ số tiền lãi bị đơn đã đóng 6.000.000đ, anh S và chị T còn phải chịu khoản tiền lãi 3.000.000đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc anh S, chị T trả cho bà T số tiền nợ 58.000.000đ.

[3] Về án phí dân sự: Bà T không phải chịu. Anh S và chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng T. Buộc anh Đoàn Văn S và chị Nguyễn Thị (Kiều) T trả cho bà Võ Hồng T số tiền nợ 58.000.000đ (năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày chị bà Võ Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đoàn Văn S, chị Nguyễn Thị (Kiều) T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh S, chị T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà Võ Hồng T không phải chịu, bà T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.508.000đ (một triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010712 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại. Anh Đoàn Văn S và chị Nguyễn Thị (Kiều) T phải chịu 2.900.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Võ Hồng T, anh Đoàn Văn S và chị Nguyễn Thị (Kiều) T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**

